

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG VIỆT

DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI - TẠI TRƯỜNG CDYT QUẢNG TRỊ - NĂM HỌC 2017 - 2018

Theo QĐ số: 274/QĐ-CDSP ngày 17/10/2018

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Quốc tịch	Năm TN	Xếp loại TN	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ghi chú
1	PHIMPHONE	INTHICHACK	18/10/1997	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10396	395/2018	
2	LATSAMY	XAIYALOUN	4/11/1999	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10397	396/2018	
3	VANG	PHONETHAVEESOUK	4/5/1997	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10398	397/2018	
4	SOUCHITTA	KONGSOULI	19/6/1999	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10399	398/2018	
5	PHONE	SYSOUPHENG	7/11/1997	Savannakhet	Nam	Lào	2018	Giỏi	10400	399/2018	
6	MALAISONE	INSIXIENGMAY	28/9/1999	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10401	400/2018	
7	NETMANY	SAENLATH	9/1/2000	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10402	401/2018	
8	PHONVISA	SONEVIXIEN	17/9/1999	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10403	402/2018	
9	PHETPHACHAN	VILAYPHET	30/10/1998	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10404	403/2018	
10	PHONETHIP	XAYYASENG	14/2/1993	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10405	404/2018	
11	PHEUN	VANLAIXOY	13/9/1995	Salavan	Nam	Lào	2018	Giỏi	10406	405/2018	
12	THIPPHACHANH	VONGCHANH	28/3/1999	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10407	406/2018	
13	PHETSAMAY	CHANTHAVISOUK	10/1/2000	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10408	407/2018	
14	NGIN	SAYKALANG	16/6/1998	Salavan	Nam	Lào	2018	Giỏi	10409	408/2018	
15	THONG	PHOMMACHAN	10/3/1997	Salavan	Nam	Lào	2018	Giỏi	10410	409/2018	
16	LATSAMY	NOUANPHODY	17/4/1999	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10411	410/2018	
17	SAVANPHET	PHASY	27/2/1999	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10412	411/2018	
18	SOUKSAMONE	KEUNGPHACHANH	16/9/1998	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10413	412/2018	
19	MINA	PHOUANGKHAMXAY	12/5/1999	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10414	413/2018	
20	POUKKY	LUESISAMOUTH	16/9/1998	Salavan	Nữ	Lào	2018	Khá	10415	414/2018	
21	AMKHA	THATSABAITHONG	5/12/1999	Salavan	Nữ	Lào	2018	Khá	10417	415/2018	
22	SAEKSOUDA	KEOMANY	26/4/1999	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10418	416/2018	
23	KOUY	DOUANGDY	4/2/1998	Salavan	Nam	Lào	2018	Giỏi	10419	417/2018	
24	CHEMCHILA	THAMMAVONG	17/9/1998	Salavan	Nữ	Lào	2018	Khá	10420	418/2018	
25	TOY	LUEANEKASEUMSOUK	10/9/1999	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10421	419/2018	
26	KEE	SENGSAY	1/11/1998	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10422	420/2018	
27	SOUKSANIT	CHANTHALANGSEE	14/6/1998	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10423	421/2018	
28	DAVANH	CHANHYABUN	27/3/1998	Salavan	Nam	Lào	2018	Giỏi	10424	422/2018	
29	PHIMMASONE	NAMMAKHOT	19/9/2000	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10425	423/2018	
30	NOT	KEOVILAY	11/5/1999	Salavan	Nữ	Lào	2018	Khá	10426	424/2018	
31	NITTA	SISOUANKIN	6/9/1999	Salavan	Nữ	Lào	2018	Khá	10427	425/2018	
32	THONGDAM	AESOULIYAVONGSA	8/6/1997	Salavan	Nam	Lào	2018	Khá	10428	426/2018	
33	THONGPHIT	KONGXAYSAVAT	5/6/2000	Salavan	Nữ	Lào	2018	Khá	10429	427/2018	

TT	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Quốc tịch	Năm TN	Xếp loại TN	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ghi chú
34	CHANSOUK	CHANTHAVONG	5/6/1998	Salavan	Nữ	Lào	2018	Khá	10430	428/2018	
35	DAVAN	DOUANGLASY	17/11/1998	Salavan	Nữ	Lào	2018	Khá	10431	429/2018	
36	PHIMPHA	LONGKHAMTAY	17/3/1998	Salavan	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10432	430/2018	
37	SOUKPHANITH	SOCHALEUNSOUK	16/10/1999	Salavan	Nữ	Lào	2018	Khá	10433	431/2018	
38	AI	VORLASANH	25/12/1998	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Khá	10434	432/2018	
39	MOD	INTHAVONG	29/12/1998	Savannakhet	Nam	Lào	2018	Khá	10435	433/2018	
40	DAOVONE	MAHALATH	11/03/1998	Savannakhet	Nam	Lào	2018	Giỏi	10436	434/2018	
41	CHEMMALY	KEOPHASOUK	04/12/1998	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Khá	10437	435/2018	
42	KINGSAVAN	XAYAPHONE	11/12/1997	Savannakhet	Nam	Lào	2018	Khá	10438	436/2018	
43	VANH	LOTSAVONG	02/04/1999	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Khá	10439	437/2018	
44	SIPHAE	INTHILATH	02/10/1996	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Khá	10440	438/2018	
45	SOUKTHAVY	VIENGTHEN	11/02/1998	Savannakhet	Nam	Lào	2018	Khá	10441	439/2018	
46	TAOKHAM	ANOUSONE	05/03/1997	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Khá	10442	440/2018	
47	PHONTHANA	ARDPANYA	10/11/1998	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Khá	10443	441/2018	
48	PHENNAPHA	NOLASAN	07/03/1996	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Khá	10444	442/2018	
49	DOUANGCHAY	VOLASANE	21/05/1996	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Giỏi	10445	443/2018	
50	KONGCHAI	MOUKKHALA	10/06/1996	Savannakhet	Nữ	Lào	2018	Khá	10446	444/2018	
51	SENGATHID	KOUNLAVONG	16/04/2000	Savannakhet	Nam	Lào	2018	Khá	10447	445/2018	

Danh sách này gồm có 51 học viên